**Bài 8. KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI**

**…………………………………………………..**

**Môn: Ngữ văn 6 - Lớp: ……..**

**Số tiết:** 14 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thông tin về chủ đề

- Văn nghị luận

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.

- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa.

- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn để); tóm tắt được ý kiến của người khác.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh minh hoạ cho các truyện cổ tích

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết chủ đề: 1-2**

**Tiết PPCT: 101-102**

Giáo án Nguyễn Nhâm biên soạn. Nhâm cám ơn thầy cô đã bỏ tiền ra để sử dụng giáo án một cách văn minh. Zalo 0981713891. Fb Nguyễn Nhâm

Còn những thầy cô sử dụng “chùa” thật sự rất kém sang đấy ạ. Trước khi dạy học trò, hi vọng thầy cô là tấm gương sáng trước.

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  +C1: GV đặt câu hỏi: *Giữa em và người bạn thân của mình, có những điểm nào giống nhau và những điểm nào khác nhau?*  *+C2 Gv tổ chức cho học sinh thảo luận bằng tình huống có vấn đề: Body shaming- miệt thị cơ thể là hành vi dùng ngôn ngữ để chê bai, phán xét, bình luận ác ý về vẻ ngoài của người khác khiến họ cảm thấy bị xúc phạm và bị tổn thương.*  *Có bạn cho rằng phán xét người khác quyền tự do ngôn luận của mỗi người nên thích nói gì thì nói, có bạn lại nói cần phải từ bỏ thói xấu miệt thị người khác. Em đồng ý với ý kiến nào? Hãy đưa ra ví dụ cụ thể để bảo vệ ý kiến của em?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung và giới thiệu vào bài (c2)  Các con ạ, qua tình huống mở đầu vừa rồi chúng ra rút ra được hai vấn đề: Thứ nhất, sinh ra trên cuộc đời này chẳng có ai giống ai cả, mỗi người đều mang đặc điểm và vẻ đẹp khác nhau. Chính vì thế mà các con đừng lấy mình ra để làm thước đo đánh giá người khác mà phải biết tôn trọng sự khác biệt. Chính sự tôn trọng đó sẽ tạo ra sự kết nối, gần gũi giữa người với người. Thứ hai, cách các con vừa tranh luận, thảo luận chính là các con đang nghị luận về một vấn đề. Đây cũng là hai nội dung chính mà chúng ta sẽ nghiên cứu trong bài 8- Khác biệt và gần gũi. | - C1: Hs suy nghĩ, đưa ra ý kiến cá nhân  -C2:Hs sẽ tạo ra hai luồng ý kiến  + Đồng ý với ý kiến phán xét người khác là quyền tự do ngôn luận của mỗi người vì ai cũng có quyền nói lên suy nghĩ của mình, thấy thế nào thì nói như vậy, chỉ là nói lên sự thật. Nói như vậy chẳng những không có gì là xấu mà còn giúp người đó thay đổi để trở nên tốt hơn…  + Đồng ý với ý kiến cần phải từ bỏ thói xấu miệt thị người khác vì chúng ta chỉ cần sống tốt cho mình là đủ, không nên miệt thị, dè bỉu người khác vì sẽ làm tổn thương những người đó. Hơn nữa, mỗi người có một thế mạnh riêng, có thể họ khiếm khuyết về điều này nhưng sẽ có tài năng ở lĩnh vực khác…  => Gv định hướng cho học sinh nên hiểu theo cách 2 |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: Phần giới thiệu bài học muốn nói với chung ta điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung và định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh  **+** Ý thứ nhất giới thiệu các VB được chọn đều gắn với chủ để bài học, nhằm khẳng định: trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt về mặt này mặt kia, thì chung quy, giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi.  - Thứ hai, bài học nhằm bước đầu hình thành cho HS ý niệm vể loại VB nghị luận. Đó là loại VB tập trung bàn bạc về một vấn đế nào đó (các VB đọc trong bài đều chứa đựng một vấn đề cụ thể). Điều này sẽ được làm rõ qua hoạt động đọc. | **I. Tìm hiểu giới thiệu bài học**  - Các văn bản trong chủ đề nhằm khẳng định trong cuộc sống, dù mọi cá thể có những nét riêng biệt, về mặt này mặt kia nhưng giữa mọi người vẫn có những điểm tương đồng, gần gũi.  - Văn bản nghị luận: loại VB tập trung bàn bạc một vấn đề cụ thể nào đó. |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.

- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ GV phát PHT số 1*  *+ Từ PHT, GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và trả lời câu hỏi*  *+ Văn bản nghị luận là gì?*  *+ Trong văn bản nghị luận có những yếu tố nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**  **1. Văn bản nghị luận**  Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  **2. Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận**  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. |

**PHT số 1**

Nếu những lời hay ý đẹp như những giọt mật ngọt ngào thì những lời phán xét, ác ý vẻ bề ngoài của người khác như mũi dao oan nghiệt có thể giết chết tâm hồn con người. Chính hành động chê bai, phán xét, bình luận ác ý về vẻ ngoài của người khác khiến họ sẽ cảm thấy tổn thương, tự ti, thậm chí sẽ dẫn đến tự tử. Chắc hẳn chúng ra chưa quên cái chết thương tâm của bạn Vũ Huỳnh Ngọc Thanh, học sinh lớp 6 trường THCS Trần Thi sau khi bị bạn bè trêu trọc là “củ hành”. Vì vậy mỗi người hãy biết hòa đồng và tôn trọng, yêu thương tất cả mọi người, hãy dùng trái tim để cảm nhận con người chứ không chỉ dùng con mắt để đánh giá bề mặt. Có thế chúng ta mới không tự biến mình thành những kẻ xốc nổi, vô tâm và xấu xí trong mắt mọi người.

( Bài làm của học sinh)

Câu 1: Theo em, văn bản trên đề cập đến nội dung gì?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Câu 2: Để làm sáng tỏ nội dung, văn bản trên đã phân tích, biện luận như thế nào?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Câu 3: : Để làm sáng tỏ nội dung, văn bản trên lấy ví dụ cụ thể nào?

1. Sử dụng bằng chứng nào?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Gợi ý PHT số 1**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

Nếu những lời hay ý đẹp như những giọt mật ngọt ngào thì những lời phán xét, ác ý vẻ bề ngoài của người khác như mũi dao oan nghiệt có thể giết chết tâm hồn con người. Chính hành động chê bai, phán xét, bình luận ác ý về vẻ ngoài của người khác khiến họ sẽ cảm thấy tổn thương, tự ti, thậm chí sẽ dẫn đến tự tử. Chắc hẳn chúng ra chưa quên cái chết thương tâm của bạn Vũ Huỳnh Ngọc Thanh, học sinh lớp 6 trường THCS Trần Thi sau khi bị bạn bè trêu trọc là “củ hành”. Vì vậy mỗi người hãy biết hòa đồng và tôn trọng, yêu thương tất cả mọi người, hãy dùng trái tim để cảm nhận con người chứ không chỉ dùng con mắt để đánh giá bề mặt. Có thế chúng ta mới không tự biến mình thành những kẻ xốc nổi, vô tâm và xấu xí trong mắt mọi người.

( Bài làm của học sinh)

Câu 1: Theo em, văn bản trên đề cập đến nội dung gì?

Hậu quả của hành vi miệt thị người khác

Câu 2: Để làm sáng tỏ nội dung, văn bản trên đã phân tích, biện luận như thế nào?

- Lời hay ý đẹp như mật ngọt- lời phán xét, ác ý về bề ngoài như mũi giao giết chết tâm hồn người khác

- Chê bai, phán xét, bình luận ác ý khiến người khác tổn thương, tự ti, tự tử

- Mỗi người nên sống hòa đồng, yêu thương mọi người, cảm nhận bằng trái tim…

Câu 3: : Để làm sáng tỏ nội dung, văn bản trên lấy ví dụ cụ thể nào?

- Cái chết thương tâm của bạn Vũ Huỳnh Ngọc Thanh, học sinh lớp 6 trường THCS Trần Thi

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Viết một đoạn văn từ 5-7 câu bàn vai trò của tinh thần đoàn kết.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | *Không ai trong chúng ta mạnh bằng tất cả chúng ta. Câu nói đã cho ta thấy được sức mạnh của tinh thần đoàn kết. Đoàn kết giúp ta hòa thuận, hợp tác với mọi người, tạo ra sức mạnh vượt qua khó khăn, thử thách, chiến thắng nghịch cảnh. Sống không có tinh thần đoàn kết là tự tách mình ra khỏi tập thể, cộng đồng, bị mọi người xa lánh và khinh ghét, nhất định sẽ thất bại. Lịch sử dân tộc ta là minh chứng hùng hồn sức mạnh của tinh thần ấy. Dù bé nhỏ, nhưng dân tộc ta đã biết đoàn kết lại, góp nhỏ thành lớn và đánh bại mọi cuộc xâm lăng của kẻ thù hùng mạnh nhất thời đại. Mỗi học sinh phải luôn rèn luyện mình để trở thành người biết đoàn kết đồng thời quyết liệt phê phán những hành động gây mất đoàn kết trong tập thể, để xây dựng một tập thể trong sạch, vững mạnh.* |

**Tiết chủ đề: 1-2**

**Tiết PPCT: 101-102**

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**VĂN BẢN 1. XEM NGƯỜI TA KÌA!**

**(Lạc Thanh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Văn nghị luận

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản về nội dung và hình thức của văn bản nghị luận.

- Nhận biết được vấn đề VB đặt ra: ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.

- Nắm được phương thức biểu đạt chính (phương thức nghị luận) bên cạnh một số phương thức khác (tự sự, biểu cảm) mà người viết sử dụng đan xen trong văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng cái riêng biệt nhưng phải biết hoà đồng, gần gũi với mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *1. Cảm giác khó chịu nhất mà em từng trải qua trong gia đình mình là gì?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - Gv tổ chức trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài mới:  *Chúng ta có nhiều cảm giác khó chịu từng trải qua, nhưng có lẽ phổ biến hơn cả là cảm giác khó chịu khi chúng ta bị cha mẹ so sánh với bạn bè, hàng xóm, thậm chí là với chính anh chị em trong gia đình, dòng họ. Bài học hôm nay sẽ chia sẻ với các em về cảm giác này* |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện được những lí lẽ tác giả đưa ra.*  *+ GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: hiếu thuận, khôn nguôi, chuẩn mực, xuất chúng, hoàn hảo, thâm tâm, hồi ức, trách cứ*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *+ Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi  - Bày tỏ cảm xúc về truyện  **2. Chú thích**  *- hiếu thuận,*  *- khôn nguôi,*  *- chuẩn mực,*  *- xuất chúng,*  *- hoàn hảo,*  *- thâm tâm,*  *- hồi ức,*  *- trách cứ*  ***3. Ngôi kể và PHBĐ***  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”  - PTBĐ: nghị luận  **4. Bố cục:** 4 phần  - Đoạn 1: *Từ đầu =>* *ước mong điều đó (nêu vấn đề):* cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác.  - Đoạn 2: *Tiếp =>* *mười phân vẹn mười:* Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác  - Đoạn 3: *Tiếp =>* *trong mỗi con người*: Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người.  - Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Vấn đề nghị luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - GV đặt câu hỏi:  + *Người mẹ thường nói với con điều gì khi không hài lòng điều gì đó với đứa con? Khi thốt lên “Xem người ta kìa!”, người mẹ mong muốn ở con điều gì?*  *+ Tâm trạng của người con ra sao mỗi lần nghe mẹ nói? Em đã bao giờ nghe những câu nói tương tự của cha mẹ và có tâm trạng giống như người con trong văn bản chưa?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ***Gv bổ sung:*** Mọi bậc cha mẹ đều mong con cái mình khôn lớn, trưởng thành bằng bạn bè. Có lẽ vì vậy, cha mẹ thường lấy tấm gương sáng để con mình học hỏi, noi theo. Tuy nhiên sự áp đặt đó có thể khiến chúng ta cảm thấy không hài lòng. Vậy theo em, tác giả đồng tình hay không đồng tình với quan điểm của người mẹ? Chúng ta cùng tìm hiểu phần tiếp theo.  **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu lí lẽ để bàn luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Theo em, người mẹ có lí ở chỗ nào? Lí lẽ đó có điểm nào đúng*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức dù giữa chúng ta có nhiều điều khác biệt nhưng vẫn có những điểm chung. Đó là những quy tắc, chuẩn mực mà cả xã hội hướng đến, là những giá trị sống mà nhân loại đều phấn đấu: được tin yêu, trông trọng, sự thông minh, giỏi giang, thành đạt. Vì vậy, cha mẹ đều luôn mong con cái sẽ cố gắng, nỗ lực vượt lên chính mình, noi theo những tấm gương sáng. Nhưng nếu ai cũng giống ai, có lẽ đó chỉ là một xã hội của những bản sao được lặp lại. Phần tiếp theo của văn bản này, tác giả đã đưa ra quan điểm gì? Chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu.  **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bằng chứng để chứng minh**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi :**  *+ Ở đoạn văn tiếp theo, tác giả đã nêu ra quan điểm nào? Câu văn nào thể hiện điều đó*  *+ Tác giả đã đưa ra những bằng chứng nào để chứng minh?*  *+ Em có nhận xét gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài văn nghị luận?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Câu văn nêu quan điểm của tác giả: Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người  Dẫn chứng : Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao  + ngoại hình  + sở thích  + tính cách  **-** GV bổ sung: Như vậy, mỗi cá nhân là một màu sắc riêng biệt, mỗi người có những điểm mạnh và điểm yếu khác nhau. Mọi người sẽ bù trừ cho nhau những ưu khuyết đó. Chính sự đa dạng ấy tạo nên một xã hội đa dạng, phong phú, làm nên những điều kì diệu cho thế giới này.  **NV 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần kết thúc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Tác giả kết thúc vấn đề như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Giới thiệu vấn đề***  - Câu nói của người mẹ: “Xem người ta kìa!”  - Mong muốn : Để con bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không ai phàn nàn, kêu ca  🡪 Mong ước rất giản dị, đời thường của mọi người mẹ.  ***2. Bàn luận vấn đề***  ***a. Lí lẽ: Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác***  - Mặc dù mỗi người là một cá thể riêng biệt nhưng vẫn có điểm giống nhau.  - Việc noi theo những ưu điểm, chuẩn mực của người khác để tiến bộ là điều nên làm.  ***b. Bằng chứng: Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người.***  - Sự khác biệt là một phần đáng quý trong mỗi con người, tạo nên một xã hội đa dạng, sinh động  - Các dẫn chứng : Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, sinh động biết bao  - Nghệ thuật : dẫn chứng cụ thể, xác thực, tiêu biểu, phù hợp  ***3. Kết thúc vấn đề***  - Hoà đồng, gần gũi mọi người nhưng cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình. |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  \* *Nội dung*: Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người.  **b. Nghệ thuật**  - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục. |
| **Cách tổng kết 2**  **PHT số …**   |  |  | | --- | --- | | **Những điều em nhận biết và làm được** | **Những điều em còn băn khoăn** | |  |  |   **..** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  GV tổ chức trò chơi: Câu cá |  |
| Câu 1: Mỗi khi không hài lòng với người con, bà mẹ thường thốt lên câu gì?  A. Xem người ta kìa  B. Người ta cười chết  C. Có ai như thế không?  **D. Con chẳng giống ai cả**  Câu 2: Xem người ta kìa thuộc kiểu văn bản?  **A. Văn bản nghị luận**  B. Văn bản tự sự  D. Văn bản miêu tả  C. Văn bản thuyết minh  Câu 3: Yếu tố quan trọng trong văn nghị luận là  A. Vấn đề cần bàn bạc, bằng chứng để chứng minh  B. Lí lẽ và bằng chứng  **C. Vấn đề cần bàn bạc, lí lẽ của người viết, bằng chứng để chứng minh**  D. Cả ba đáp án đều sai  Câu 4: Xem người ta kìa của tác giả nào?  A. Hoài Thanh  **B. Lạc Thanh**  C. Tô Hoài  D. Thạch Lam  Câu 5: Cách vài đề của tác giả có gì đặc biệt  **A. Nêu vấn đề bằng lời kể.**  B. Nêu vấn đề từ việc dẫn ý người khác.  C. Nêu vấn đề bằng trích dẫn danh ngôn.  D. Không có gì đặc biệt.  Câu 6: Bằng chứng mà tác giả đưa ra để làm sang tỏ ý kiến của bản thân là gì?  A. Trong một công ty, mỗi người đều khác nhau.  B. Trong một gia đình, mỗi người đều khác nhau.  **C. Trong một lớp học, mỗi người đều khác nhau.**  D. Trong một xã hội, mỗi người đều khác nhau.  Câu 7: Theo tác giả, chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là?  A. Đều phải hít thở  **B. Không ai giống ai cả**  C. Đều có chung màu da  D. Cả ba đáp án đều sai  Câu 8: Việc kết thúc bằng câu hỏi có ý nghĩa gì?  A. Vấn đề chưa có lời giải đáp  **B. Để mọi người tự đưa ra câu trả lời cho riêng mình**  C. Cả A và B đều đúng  D. Cả A và B đều sai  Câu 9: Ý nghĩa câu nói: "Xem người ta kìa!" của mẹ trong quá khứ là  A. Con người ta sao giỏi bằng con mẹ  B. Muốn con phải hơn người ta  **C. Muốn con bằng người khác, không thua kém, không làm xấu mặt gia đình, không để ai phải phàn nàn, kêu ca.**  D. Cả A và C đều đúng | |
| - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

( Viết kết nối với đọc)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Ai cũng có cái riêng của mình?*  *Gợi ý:*  + Câu "Ai cũng có cái riêng của mình" là câu chủ đề, các em có thể đặt ở đầu đoạn hay cuối đoạn đều được.  + Tại sao mỗi người đều có cái riêng?  + Cái riêng của từng người thể hiện ở những mặt nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | - Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng  *Trong cuộc sống, ngoài sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng, mỗi chúng ta cần phải ý thức được cái riêng, giá trị của bản thân mình. Khi ý thức được giá trị của bản thân là khi biết được điểm mạnh, điểm yếu của chính mình. Và lúc ấy chúng ta sẽ biết làm thế nào để phát huy tối đa những khả năng, sở thích vốn có của mình và sửa chữa những khuyết điểm còn tồn tại. Đồng thời khi đã biết những điểm mạnh của bản thân cũng giúp chúng ta tự tin trong hành động, luôn luôn cố gắng để đạt tới cái đích mà mình đã lựa chọn. Ngược lại, nếu đến chính giá trị của bản thân mình chúng ta cũng không hiểu thì thật khó để lựa chọn được con đường đúng đắn, thiếu tự tin với chính quyết định của mình. Hành trình để khẳng định cái riêng của mình đòi hỏi bản thân mỗi người cần nỗ lực, cố gắng hết mình để tìm thấy giá trị đích thực của bản thân.* |

Giáo án Nguyễn Nhâm biên soạn. Nhâm cám ơn thầy cô đã bỏ tiền ra để sử dụng giáo án một cách văn minh. Zalo 0981713891. Fb Nguyễn Nhâm

Còn những thầy cô sử dụng “chùa” thật sự rất kém sang đấy ạ. Trước khi dạy học trò, hi vọng thầy cô là tấm gương sáng trước.

**Tiết chủ đề: 3**

**Tiết PPCT: 103**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nghĩa của từ

- Trạng ngữ

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- HS củng cố kiến thức về trạng ngữ, nắm vững đặc điểm về hình thức và chức năng của trạng ngữ, hận ra những câu có trạng ngữ và giá trị biểu đạt của chúng, biết cách thêm phần trạng ngữ vào câu theo yêu cầu.

- HS nhận diện được thành ngữ trong văn bản đọc, biết dựa vào câu để hiểu nghĩa của thành ngữ được sử dụng.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ  Cách 1: *GV yêu cầu hs làm việc cá nhân: Em hãy quan sát trong lớp học hoặc trên sân trường xem có những sự vật, sự việc nào đang sảy ra và ghi lại cụ thể vị trí, địa điểm mà em nhìn thấy những sự vật, sự việc đó?*  *Cách 2: Hoàn thiện PHT số 1a* | - Hs ghi lại được sự vật, sự việc đang xảy ra, ví dụ  + **Trên cành cây,** những chú chim đang hót líu lo  + **Trong lớp,** cô giáo đang giảng bài  ...  => Trạng ngữ  Cách 2: Nối cột A- B |
| PHT số 1  **NỐI CỘT A VỚI CỘT B**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | A |  | B | | **Trên cành cây** | **em và gia đình đi thăm vườn bách thú** | | **Hôm qua** | **chúng ta cần tuân thủ nguyên tắc “5K”** | | **Vì lũ lụt** | **nên đồng bào miền Trung bị thiệt hại nặng nề** | | **Để phòng chống Covid** | **những chú chim đang hót ríu rít** |   **.** | |
|  |  |
| - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, đặt câu  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 3 em lên ghi câu trả lời lên bảng  - HS ghi sản phẩm lên bảng, HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vô bài  + Cách 1: Gv gợi mở để học sinh hướng đến các từ chỉ vị trí, địa điểm trong ví dụ của hs-> những từ đó được gọi là trạng ngữ  + Cách 2: Gv nhấn mạnh đến các từ ở cột A=> trạng ngữ |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, các chức năng của trạng ngữ

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1 : Hướng dẫn Hs tìm hiểu về trạng ngữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Từ ví dụ phần khởi động, và ví dụ trang 56 gv hỏi học sinh trạng ngữ là gì?*  *+ Gv yêu cầu học sinh làm PHT 2, thảo luận nhóm đôi để đặt câu có thành ngữ chỉ thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích? Từ đó chỉ ra chức năng của thành ngữ.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm, hoàn thiện PHT  - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức  - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Trạng ngữ**  **1. Lý thuyết**  **-** Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, … của sự việc được nêu trong câu. - Có nhiều loại trạng ngữ: trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích...  - Chức năng: Bổ sung ý nghĩa cho câu, trạng ngữ còn có chức năng liên kết các câu trong một đoạn, làm cho đoạn văn được liền mạch  - Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu.  **-** Về chức năng: là thành phần phụ của câu, nói về địa điểm thời gian, nguyên nhân, trạng thái, mục đích, cách thức diễn ra sự việc |
| **NV2: Bài tập nhanh**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Quan sát các câu sau và chỉ rõ vị trí, chức năng của thành phần trạng ngữ trong các câu sau:*  a. Trên cây, chim hót líu lo.  b. Sáng nay, chúng em đi lao động.  c. Vì rét, những cây bàng rụng hết lá.  d. Để đạt học sinh giỏi, Nam đã cố gắng chăm chỉ học tập tốt.  e. Bằng một giọng chân tình, thầy giáo khuyên chúng em cố gắng học tập.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm  - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức  - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Ví dụ** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  - GV hướng dẫn HS: chỉ ra trạng ngữ trong câu và chỉ ra chức năng của nó.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm, hoàn thiện PHT  - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức  - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:** làm bài tập 2, xác định nghĩa của trạng ngữ thêm vào. So sánh câu bỏ thành phần TN và câu giữ nguyên TN.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm, hoàn thiện PHT  - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức  - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3  - GV hướng dẫn HS, với mỗi câu thử thêm nhiều trạng ngữ với các chức năng khác nhau.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm, hoàn thiện PHT  - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức  - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm, hoàn thiện PHT  - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức  - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **NV5: Bài tập 5**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS: cần dựa vào nội dung của câu để đoán nghĩa thành ngữ.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm, hoàn thiện PHT  - Gv quan sát, bổ sung, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức  - HS trình bày sản phẩm thảo luận; HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1/ trang 56**  a. TN: từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ  🡪 TN chỉ thời gian  b. TN: giờ đây  🡪 TN chỉ thời gian  c. TN: dù có ý định tốt đẹp  🡪 TN chỉ điều kiện  **Bài 2/ trang 57**  a. Nếu bỏ trạng ngữ “cùng với câu này”: câu văn chỉ nêu thông tin về sự việc chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.  b. Nếu bỏ trạng ngữ “trên đời”: câu văn mất đi tính phổ quát  c. Nếu bỏ trạng ngữ “trong thâm tâm”: câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu  **Bài 3/ trang 57**  **a. hoa đã bắt đầu nở**  - Thời tiết ấm dần, hoa đã bắt đầu nở.  - Trong vườn, hoa đã bắt đầu nở.  - Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở.  **Bài 4/ trang 57**  a. chung sức chung lòng: đoàn kết, nhất trí  b. mười phân vẹn mười: toàn vẹn, không có khiếm khuyết.  **Bài 5/ trang 57**  a. thua em kém chị: nghĩa là thu kém mọi người nói chung  b. mỗi người một vẻ:mỗi nười có những điểm riêng, khác biệt, không giống ai  c. nghịch như quỷ: vô cùng nghịch ngợm, quá mức bình thường |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Viết đoạn văn (5-7 câu) tả cảnh thiên nhiên mùa xuân, trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời, viết đoạn văn  - Gv lắng nghe, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs báo báo kết quả  - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | *Một năm… hai năm… ba năm… đã lâu lắm rồi tôi mới trở về quê hương vào một ngày cuối năm. Mùa xuân, bầu trời quê tôi như bớt đi những sắc mây u ám, ló rạng những tia nắng vàng ấm áp. Trên cành, những chồi non đang dần hé nở trên cành cây cao sau một giấc ngủ đông dài. Cánh hoa xuân khẽ rung rinh trong làn gió nhẹ, khoe sắc hương đón chào mùa mới sang. Những chú chim non uống những giọt sương đêm còn sót lại trên cành lá rồi líu lo cất tiếng hót vang xa. Quê hương ơi! Xuân đã về trong náo nức của muôn loài.* |

***PHT số 2***

Xuân

Hạ

Thu

Đông

Cỏ non xanh rợn chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết chủ đề: 4-5**

**Tiết PPCT: 104-105**

**VĂN BẢN 2. HAI LOẠI KHÁC BIỆT**

**(Giong-mi Mun)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hs hiểu được sự phong phú của chủ đề bài học về sự “Gần gũi và khác biệt”, văn bản đề cao yêu cầu khác biệt nhưng là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người.

- HS nắm được cách thức trình bày ý kiến, từ đó vận dụng vào việc viết văn ản nghị luận đúng yêu cầu.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.

- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất: thật thà, lương thiện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Cách 1.*  *+ Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp không? Vì sao?*  *+ Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt nhưng có những ưu điểm vượt trội?*  *Cách 2: Nhận xét về thông điệp từ hình ảnh sau?*    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời, viết đoạn văn  - Gv lắng nghe, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs báo báo kết quả  - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức + GV dẫn dắt:  C1:Lứa tuổi dậy thì cũng là lứa tuổi các em bắt đầu bước vào sự trưởng thành về cơ thể cũng như về tâm lí, nhận thức. Nhiều bạn muốn khẳng định bản thân mình bằng cách làm những điều khác thường, gây sự chú ý với mọi người. Vậy điều khác thường đó là tốt hay xấu? Nên thể hiện sự khác thường bằng cách nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.  C2: Sẽ có lúc nào đó, một mình ta đi một con đường trong khi những người khác có chung sự lựa chọn. Vậy có phải lúc nào đơn độc, khác biệt cũng là sai lầm không? Cô trò chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay? | - HS chia sẻ quan điểm, suy nghĩ |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, thể hiện đuọc những lí lẽ tác giả đưa ra.*  *+ GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: phiên bản, quái đản, quái dị*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *+ Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi  - Bày tỏ cảm xúc về truyện  **2. Chú thích**  ***3. Ngôi kể và PHBĐ***  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”  - PTBĐ: nghị luận  **4. Bố cục:** 4 phần  - Đoạn 1: *Từ đầu =>* *ước mong điều đó (nêu vấn đề):* Mỗi người cần có sự khác biệt  - Đoạn 2: *Tiếp =>* *mười phân vẹn mười:* Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J  - Đoạn 3: *Tiếp =>* *trong mỗi con người*: Cách để tại nên sự khác biệt  - Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): Ý nghĩa của sự khác biệt thực sự |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.

- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn hs tìm hiểu mục đíchcủa văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  Gv phát PHT số 1 (phiếu này sẽ hỏi ngược, để học sinh thấy được mục đích của văn bản không phải là kể lại câu chuyện mà mục đích chính là rút ra bài học từ câu chuyện: có 2 loại khác biệt); hs làm việc nhóm đôi  **PHT số 1**   |  | | --- | | *Câu 1: Điều em ấn tượng nhất sau khi đọc văn bản Hai loại khác biệt?*  *…………………………………………………*  *…………………………………………………*  *Câu 2: Tác giả có tham gia trong câu chuyện đó không? Vì sao em biết?*  *…………………………………………………*  *…………………………………………………*  *Câu 3: Văn bản kể về chuyện gì?*  *…………………………………………………*  *…………………………………………………*  *Câu 4: Tên văn bản là gì?*  *…………………………………………………*  *…………………………………………………*  *Câu 5: Mục đích tác giả viết văn bản?*  *…………………………………………………*  *…………………………………………………* | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bằng chứng, lĩ lẽ và kết luận thể hiện hai loại khác biệt**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát PHT số 2, Hs làm việc nhóm 4-6 em*  *+ Từ phiếu học tập, em hãy cho biết tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận hay nêu điều bàn luận và rút ra thực tế? Nhận xét tác dụng của trình tự triển khai đó?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  + Số đông học sinh chọn cách mặc những trang phục kì dị, để kiểu tóc kì quặc, mặc quần áo kì lạ, làm trò quái đản với trang sức hoặc phấn trang điểm, tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý 🡪 bộc lộ cá tính  + Bạn học sinh J: chọn cách ăn mặc bình thường nhưng bạn chọn cách giơ tay trong tất cả các tiết học, trả lời chân thành và xưng hô lễ đỗ với thầy cô, bạn bè.  🡪 Sự khác nhau: cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người.  **NV3: Hướng dẫn học sinh rút ra bài học**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức thảo luận  *+ Tác giả phân chia sự khác biệt thành hai loại. Em có đồng ý với cách phân chia như thế không? Vì sao?*  **+** *Đa số mọi người chọn loại khác biệt vô nghĩa? Vì sao? Em có thích cách thể hiện này?*  *+ Muốn tạo ra sự khác biệt có nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất gì?*  *+ Em rút ra được bài học gì cho bản thân? Theo em bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với lứa tuổi học sinh không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV  + Câu hỏi 1: Hs trình bày ý kiến cá nhân  + Câu hỏi 2: Hs lí giải và chia sẻ quan điểm cá nhân | **II. Khám phá văn bản**  **1. Mục đích của văn bản**  - Văn bản Hai sự khác biệt không hướng đến mục đích chính là kể chuyện mà rút ra bài học mới là điều quan trọng  - Tên văn bản không toát lên từ câu chuyện mà được lấy từ lời bàn luận của tác giả.  => Văn nghị luận  **2. Bằng chứng thể hiện hai loại khác biệt**  - Số đông : chọn cách thể hiện cá tính bản thân qua cách ăn mặc, hành động quái dị, khác thường.  - Học sinh J chọn cách thể hiện sự khác biệt khác với ngày thường mình : thay vì nhút nhát, ít nói, cậu đã giơ tay và phát biểu trong các tiết học, xưng hô lễ độ với mọi người  🡪 Cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người là khác nhau.  ***3. Lí lẽ dẫn đến hai sự khác biệt***  - Ý kiến của tác giả: Tác giả đã phân chia sự khác biệt thành hai loại: sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có nghĩa.  - Lí lẽ  + Số đông  +) Khi quyết định mặc đồ quái dị đến trường, biết mình không phải là người duy nhất nhưng chọn trò đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn  +) Với lựa chọn này, dù là vô nghĩa nhưng không hề đơn độc mà đây là lựa chọn của số đông  + Học sinh J  +) Hs J đã hoàn toàn thay đổi  +) J là người duy nhất chọn loại khác biệt có nghĩa  **4*. Kết luận vấn đề***  - Sự khác biệt vô nghĩa sẽ bị loại bỏ, chỉ có sự khác biệt có nghĩa mới được chú ý.  => Trình tự triển khai: Ở Vb này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận. Nhờ cách triển khai này, VB không mang tính chất bình giá nặng nề. Câu chuyện làm cho vấn đề bàn luận trở nên gần gũi, nhẹ nhàng.  **5. Thông điệp của văn bản và bài học kinh nghiệm**  Khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, những động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý. Vì dễ, cho nên hầu như ai muốn cũng có thể bắt chước. Ngược lại, muốn tạo sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin. Những năng lực và phẩm chất quý giá ấy không phải ai cũng có được.  => Có ý nghĩa thiết thực với học sinh nói riêng và tất cả mọi người nói chung |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Văn bản có ý nghĩa gì?**Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Văn bản đề cập đến vấn đề sự khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự.  **b. Nghệ thuật**  - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.  - Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí. |
| **Cách tổng kết 2**  **PHT số …**   |  |  | | --- | --- | | **Những điều em nhận biết và làm được** | **Những điều em còn băn khoăn** | |  |  |   **..** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

Bài học này được rút ra từ những suy ngẫm của tác giả, có giá trị đối với bất cứ ai.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  C1: Viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa.*  *C2:* **Câu 1. Giong-mi Mun là người**  A. Mĩ.  B. Triều Tiên.  C. Nhật.  **D. Hàn Quốc.**  **Câu 2. Thầy giáo đã giao cho cả lớp cái gì?**  **A**. Quyển sách.  **B. Bài tập.**  C. Món quà.  D. Tập viết.  **Câu 3. Thời gian hoàn thành bài tập là bao lâu?**  **A. 24 giờ**  B. 12 giờ  C. 4 giờ  D. 2 giờ.  **Câu 4. Mục đích của bài tập là gì?**  A. Làm vệ sinh trong trường.  **B. Học sinh phải bộc lộ bản than, trở nên khác biệt.**  C. Không được rời khỏi phòng họcD. Phải tập luyện thể dục, thể thao.  D. Phải tập luyện thể dục, thể thao.  **Câu 5. Văn bản “Hai loại khác biệt” thuộc thể loại nào?**  A. Biểu cảm.  B. Tự sự.  C. Thuyết minh.  **D. Nghị luận.**  **Câu 6. Số đông chọn cách thể hiện sự khác biệt qua**  A. giữ trật tự.  B. cử chỉ.  **C. ngoại hình, trang phục, hành động quái dị.**  D. Làm bài tập toán.  **Câu 7. Học sinh J đã thể hiện sự khác biệt của mình bằng cách**  A. Ngồi im lặng.  **B. Giơ tay phát biểu trong tất cả các tiết học.**  C. Cả A và B đều đúng.  D. Cả A và B đều sai.  **Câu 8. Tác giả đã phân chia sự khác biệt làm mấy loại?**  A. 1.  **B. 2.**  C. 3.  D. 4.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- GV tổ chức hoạt động**  - Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét | - Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

( Viết kết nối với đọc)

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- GV tổ chức hoạt động**  - Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét | - Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng  *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa vì nó tốn thời gian vô ích. Khác biệt vô nghĩa là khác biệt không mang lại giá trị gì cho cuộc sống của bạn hay những người xung quanh. Khác biệt vô nghĩa có thể là: ăn mặc dị hợm khác biệt với mọi người một cách vô lối, không chủ đề, chủ đích; kêu to những câu nói không đầu không cuối, gây rối trật tự công cộng... Thay vào đó bạn hãy tận hưởng thời gian của riêng mình với những khác biệt có nghĩa. Khác biệt có nghĩa là việc đầu tư thời gian nghiên cứu ý nghĩa, rèn dũa hành động của bản thân để tạo nên những giá trị về vật chất và tinh thần cho bản thân và người khác. Khác biệt có nghĩa có thể là: bạn yêu thích môn học, bạn nghiên cứu về môn học đó, bạn học giỏi môn học đó rồi chia sẻ kiến thức với mọi người; bạn đưa ra được chính kiến của mình giữa những ý kiến trái chiều nhau trong khi bàn luận 1 vấn đề, bạn bảo vệ ý kiến của mình tới cùng;... Khác biệt có nghĩa không phải là điều khó khăn, khác biệt có nghĩa là bạn chứng tỏ được những giá trị hữu dụng của bản thân bạn.* |

**PHT số 1**

|  |
| --- |
| *Câu 1: Điều em ấn tượng nhất sau khi đọc văn bản Hai loại khác biệt?*  *Có 2 loại khác biệt, loại có nghĩa và vô nghĩa*  *Câu 2: Tác giả có tham gia trong câu chuyện đó không? Vì sao em biết?*  *Tác giả có tham gia, xưng tôi và chia sẻ trải nghiệm của chính mình*  *Câu 3: Văn bản kể về chuyện gì?*  *Bài tập của thầy giáo và cách giải quyết nhiệm vụ của học sinh*  *Câu 4: Tên văn bản là gì?*  *Hai sự khác biệt*  *Câu 5: Mục đích tác giả viết văn bản?*  *Bàn luận về hai sự khác biệt* |
|

**PHT số 2**

VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN

……………………………………………………………………………..

Ý KIẾN 1

………………………………………………………….

Ý KIẾN 2

………………………………………………………….

LÍ LẼ

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

BẰNG CHỨNG

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

LÍ LẼ

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

BẰNG CHỨNG

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Hoàn thành sơ đồ dưới đây

B1

B2

B3

**Gợi ý PHT số 2**

VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN

Khác biệt theo kiểu vô nghĩa sẽ bị loại bỏ, khác biệt có nghĩa sẽ được chú ý

Ý KIẾN 1

Khác biệt vô nghĩa

Ý KIẾN 2

Khác biệt có nghĩa

LÍ LẼ

- Khi quyết định mặc đồ quái dị đến trường, biết mình không phải là người duy nhất nhưng chọn trò đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn

- Với lựa chọn này, dù là vô nghĩa nhưng không hề đơn độc mà đây là lựa chọn của số đông

BẰNG CHỨNG

- Mặc trang phục kì dị đến trường, bộ pi-gia-ma kết hợp áo thun

- Sử dụng quần áo để biểu lộ cá tính

- Để kiểu tóc kì quặc

- Làm trò quái đản với trang sức và phấn

- Một nhóm đi dọc hành lanh vừa cười, vừa hát

=> Số đông

LÍ LẼ

- Hs J đã hoàn toàn thay đổi

- J là người duy nhất chọn loại khác biệt có nghĩa

BẰNG CHỨNG

- Học sinh J giơ tay trong tiết học

- Phát biểu một cách từ tốn, dõng dạc và lễ độ, chân thành

- Bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn chân thành

=> Cá nhân Hs J

Hoàn thành sơ đồ dưới đây

B1

B2

B3

**Tiết chủ đề: 6**

**Tiết PPCT: 106**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được vì sao khi viết/nói, người ta phải lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu. Dù lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu có sự khác biệt về thao tác, nhưng có chung một mục đích: để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.

- HS nắm được thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu VB với mục đích viết/nói cụ thể.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.

- Nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”*  *Câu 1: Điền từ còn thiếu vào câu sau: “Cháu mời bà…cơm ạ.”*  *A. chén B. xài* ***C. ăn*** *D. làm bát*  *Câu 2: Mười ba chiến sĩ đã…ở thủy điện Rào Trăng*  ***A. hi sinh*** *B. chết C. ra đi D. mất*  *Câu 3: Em bé…tập nói*  *A. líu lo B. ríu rít* ***C. bi bô*** *D. tía lia*  *Câu 4: Nước mắt rơi…*  ***A. lã chã*** *B. lộp độp C. bì bõm D. thánh thót*  *Câu 5: Thời gian trôi qua…*  ***A. Lê thê*** *B. Lê la C. Lê lết*  *+ Từ trò chơi em rút ra được bài học gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV dẫn dắt: Trong quá trình nói và viết, việc lựa chọn từ ngữ là vô cùng cần thiết. | - Hs sinh than gia trò chơi và chia sẻ suy nghĩ |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Củng cố kiến thức đã học về lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu trong tạo lập văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách lựa chọn từ ngữ phù hợp trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo nhóm:  *+ Trong nói và viết, em có thường xuyên cân nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không?*  *+ Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì?*  *+ Khi viết câu, em cần chú ý những yếu tố nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Củng cố lí thuyết**  ***1. Lựa chọn từ ngữ trong tạo lập văn bản***  - Cần lựa chọn, sử dụng từ phù hợp nhất trong nói và viết.  ***2. Lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản***  - Khi viết, cần chú ý những yếu tố: tạo câu đúng ngữ pháp, chú ý ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm văn bản. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Bài tập 1, 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1, 2 theo nhóm đôi  GV hướng dẫn HS giải nghĩa các từ để tìm ra nghĩa, hoàn cảnh sử dụng. Từ đó giải thích và lựa chọn từ phù hợp cho câu văn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV2: Bài tập 3**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3.  - GV hướng dẫn HS làm bài thông qua trả lời các câu hỏi:  + Trong câu (a), cụm từ in đậm đóng vai trò gì trong câu và tác dụng của nó? Từ đó, nếu bỏ cụm từ thì ý nghĩa của câu sẽ thay đổi ra sao?  + Trong câu (b) (c) nói đến thứ tự các hoạt động, nếu thay đổi thứ tự đó có ảnh hưởng đến nội dung, ý nghĩa của câu không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Bài tập 4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm  Gv gợi ý HS để thực hiện bài tập số 4 có thể thực hiện theo các thao tác:  *- Nhận xét sự khác biệt về nghĩa của câu gốc và câu thay đổi cấu trúc.*  *- Đặt câu đã thay đổi cấu trúc vào vị trí câu gốc trong văn bản.*  *- Kiểm tra xem có phù hợp không*  *- Kiểm tra xem câu có phù hợp không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1/ trang 61**  a. Trong câu: “Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao ”, không thể dùng từ kiểu để thay cho vẻ được. Hai từ này tuy gần nghĩa, nhưng vẫn có những nét khác nhau. Từ kiểu thường dùng để nói về hành động của con người (kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...) hoặc một dạng riêng của đối tượng (kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài,...), trong khi vẻ thường dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...).  b. Từ khuất được dùng trong câu: “Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi củng đã lớn.” phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: mất, từ trần, hi sinh. Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ khuất thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát.  c. Trong tiếng Việt, xúc động, cảm động, xúc cảm là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. Xúc động biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với cảm động hay xúc cảm. Vì thế, từ xúc động là sự lựa chọn phù hợp nhất cho câu “Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động không nguôi”  **Bài 2/ trang 62**  a. phản ứng  b. hoàn hảo  c. quan sát  d. nỗ lực  **Bài 3/ trang 62**  a. cụm từ ***giờ đây khi hổi tưởng lại*** là trạng ngữ. Thành phần này thông báo về thời gian xảy ra sự việc. Nếu bỏ trạng ngữ, câu văn sẽ không còn cụ thể, vì không xác định rõ hành động đó xảy ra vào lúc nào.  b. Câu văn *“Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.”* cho biết hành động đứng lên phải diễn ra trước khi trả lời câu hỏi. Nếu viết lại thành: “Cậu *đã trả lời câu hỏi và đứng lên.”* thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.  c. Câu c: “Đến *cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.”* miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “tiến lên phía trước” rồi mới có thể “bắt tay thầy giáo”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn HS, phía dưới. Nếu đổi cấu trúc: “Đến *cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước.”* thì hoá ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, hành động “tiến lên phía trước” sẽ thành vô nghĩa.  **Bài 4/ trang 36**  a. Câu “Tôi *không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.”* có hai vế, vế đẩu nêu băn khoăn về một điểu chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên. Nếu đổi cấu trúc thành “Có *lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế.”* thì lời giải thích lại xuất hiện trước điểu băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào VB sẽ thấy không hợp lí.  b.  Quan sát hai câu này, ta có thể nhận thấy sự khác biệt *về* nghĩa. Hai vế: *điều quá nghiêm trọng và “căn bệnh” hết cách chữa* được đặt trong quan hệ tăng tiến. Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước. Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, và đó là điều không ổn. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Viết đoạn văn (5-7 câu) miêu tả hoạt động của học sinh trong giờ ra chơi ở trường em. Chú ý sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- GV tổ chức hoạt động**  - Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | - Hs viết đoạn văn đúng hình thức, dung lượng  *Sau một tiết học hăng say, tiếng trống trường vang lên giòn dã báo hiệu một đã tiết học kết thúc. Từ các lớp học, chúng tôi ùa ra sân trường như một đàn chim vỡ tổ. Các bạn nam, bạn nữ cười nói vui vẻ. Giữa sân trường các bạn nam chơi đá cầu. Mấy bạn nữ đang nhảy dây. Đằng xa, dưới gốc phượng già, các bạn khác ngồi trò chuyện và đọc sách…. Tuy rất ngắn, nhưng giờ ra chơi là quãng thời gian mà mỗi chúng tôi đều mong đợi vì chúng tôi tìm thấy niềm vui của tuổi học trò ở khoảng thời gian ấy* |

**Tiết chủ đề: 10**

**Tiết PPCT: 110**

**VĂN BẢN 3. BÀI TẬP LÀM VĂN**

**(Trích Nhóc Ni-cô-la, những chuyện chưa kể, Rơ-nê Gô-xi-nhi, Giăng-giắc Xăng-pê)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS xác định được chủ đề của truyện.

- HS hiểu được sự khác nhau cơ bản giữa Vb nghị luận và VB văn học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Tóm tắt được nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn.

- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: tự lập. biết suy nghĩ, nỗ lực cố gắng và hoàn thành nhiệm vụ của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *+ Từ khi vào lớp 1 cho đến nay, hẳn đã có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài tập khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy đó là điều bình thường không?*  *+ Nếu gặp một đề văn yêu cầu tả/kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe.  - GV quan sát, lắng nghe.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động.  - Hs trả lời câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài | - HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn cách đọc: : đọc to, rõ ràng, chậm rãi, đọc theo vai*  *+ GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SHS: hiếu thuận, khôn nguôi, chuẩn mực, xuất chúng, hoàn hảo, thâm tâm, hồi ức, trách cứ*  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *+ Bố cục văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi  - Bày tỏ cảm xúc về truyện  **2. Chú thích**  *- khăn mùi soa*  *- đầu bài*  *- Ban-dắc*  *- Bố cục*  *- Chầu*  *- Lẹt đẹt*  ***3. Ngôi kể và PHBĐ***  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”  - PTBĐ: tự sự  ***4. Bố cục:*** 3 phần  - P1: Từ đầu -> rất là tuyệt: Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài tập  - P2: Tiếp theo -> ông Blê-đuc tức giận*:* Mọi người cùng tranh luận vào bài tập của cậu bé  - P3: Còn lại: Ni-cô-la quyết định tự làm bài văn |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *1. Cậu bé Ni-cô-lai đã nhờ bố giúp việc gì?*  *2. Tại sao cậu phải nhờ bố làm hộ bài tập? Theo em hành động nhờ người khác làm giúp bài tập là nên hay không nên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Tìm hiểu thái độ của người bố**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv phát PHT số 1, Hs làm việc nhóm đôi  +  *Người bố có thái độ ra sao khi Ni-cô-la nhờ làm bài tập?*  *+ Việc làm bài của người bố là để giúp con hay muốn con thấy mình rất giỏi văn?*  *+ Bố Ni-cô-la cho biết rằng, bố sẵn sàng làm bài văn giúp con, trong khi bố của bố không bao giờ làm như vậy cả. Việc so sánh ấy nói lên điều gì?*  *+ Giọng kể chuyện ở đây nghiêm khắc hay hài hước?*  *+ Tại sao sau khi Ni-cô-la kể ra nhiều người bạn của mình mà bố cậu vẫn thấy khó viết?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Tìm hiểu về *Cuộc tranh luận về bài tập của cậu bé***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Cuộc tranh luận xảy ra giữa ai với ai?*  *+ Theo em, trước khi xảy ra cuộc tranh luận này, mỗi quan hệ giữa hai người họ như thế nào?*  *+ Sau khi tranh luận, mối quan hệ của họ ra sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV4 : Tìm hiểu về quyết định của Ni-cô-lai**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Ni-cô-la đã có quyết định như thế nào ? Kết quả ra sao ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Quyết dịnh của Ni-cô-la là hoàn toàn đúng đắn, chỉ có làm bài bằng sự suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm của bản thân thì mới bộc lộ được năng lực thực sự của mình, thấy được những điểm cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục. Nếu nhờ bố hoặc ai khác làm bài thì bài văn đó sẽ không phải là của cậu bé.  **NV5 : Hướng dẫn học sinh rút ra bài học**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Việc bố và người hàng xóm giúp Ni-cô-lai viết bài là điều không nên, nhưng khi có ý định đó, họ đều hỏi Ni-cô-lai “Ai là người bạn thân nhất của cậu bé”? Điều đó có ý nghĩa gì?*  *+ Từ câu chuyện của Ni-cô-lai, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV gọi học sinh  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  ***1. Hành động của Ni-cô-la***  - Ni-cô-la nhờ bố làm giúp bài văn  - Nguyên nhân  + Ni-cô-la vốn học yếu về môn Văn, không tự tin khi làm bài  - Đề văn hơi khó so với khả năng của Ni-cô-la  - Trong học tập, Ni-cô-la thường có thói quen cậy dựa, không tự lực…  => Dù là lí do gì thì việc nhờ bố làm bài cũng là điều không thể chấp nhận  **2. Phản ứng của người bố**  - Thái độ  + Thái độ người bố: sốt sắng, hào hứng, vui vẻ khi con trai nhờ  + Lí do: bố muốn thể hiện bản thân mình, muốn con thấy bố là người rất giỏi môn văn  + Giọng kể: Hài hước, hóm hỉnh  - Hành động  + Hỏi về người bạn thân nhất của con  + Khi Ni-cô-la trả lời có hàng đống bạn thân thì bố ngạc nhiên  + Bố bố yêu cầu chọn một người thân nhất và ghi ra những đức tính mà Ni-cô-la thích ở người bạn đó, Ni-cô-la liệt kê ra một loạt, bố “tròn mắt ra mà nhìn”  + Trả lời Ni-cô-la “thế thì sẽ khó hơn tưởng tượng của bố”  => Làm bài thay cho con không hề dễ như người bố nghĩ  ***3. Cuộc tranh luận về bài tập của cậu bé***  - Bố của Ni-cô-la và ông hàng xóm Blê-đúc - vốn hay gây sự với bố Ni-cô-la xảy ra tranh luận vì bài tập của Ni-cô-la; ai cũng muốn làm bài cho cậu bé  - Sau màn công kích lẫn nhau, bố Ni-cô-la đã vẩy mực vào ca-vát của ông Blê- đúc; ông Blê-đúc rất tức giận  ***4. Quyết định của Ni-cô-lai***  - Cậu bé quyết định tự làm bài văn 🡪 bài văn đạt điểm cao, cô giáo khen ngợi.  - Ni-cô-lai đã nhận ra cần phải tự lực, cố gắng hoàn thành công việc  **5. Bài học**  - Khi viết bài văn, phải biết rõ đối tượng mà mình muốn viết để bài viết chân thực, có tính thuyết phục  **-** Trong học tập, học hỏi là điều cần thiết nhưng viết bài tập làm văn hay làm bài kiểm tra là hoạt động cá nhân, mỗi người cần nỗ lực hết sức để làm bài cả mình, không nên nhờ cậy, ỉ lại vào người khác  - Đừng để vì bản thân mình mà làm ảnh hưởng tới người khác |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Văn bản có ý nghĩa gì?**Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Nội dung: kể về việc cậu bé Ni-cô-la nhờ bố làm hộ bài tập văn.  - Ý nghĩa: nên tự lực, cố gắng hoàn thành công việc của mình.  ***2. Nghệ thuật***  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, sinh động. |
| **Cách tổng kết 2**  **PHT số …**   |  |  | | --- | --- | | **Những điều em nhận biết và làm được** | **Những điều em còn băn khoăn** | |  |  |   **..** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | **T** | **Ì** | **N** | **H** | **B** | **Ạ** | **N** |
|  |  |  |  |  | **V** | **Ẩ** | **Y** | **M** | **Ự** | **C** |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | **L** | **Ẹ** | **T** | **Đ** | **Ẹ** | **T** |  |  |  |  |
| **T** | **H** | **Í** | **C** | **H** | **G** | **Â** | **Y** | **S** | **Ự** |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | **B** | **A** | **N** | **D** | **Ắ** | **C** |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | **N** | **I** | **C** | **Ô** | **L** | **A** |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | **C** | **Á** | **T** | **Í** | **N** | **H** |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | **B** | **Ố** | **C** | **Ụ** | **C** |  |  |  |
|  |  |  |  | **L** | **Ậ** | **P** | **D** | **À** | **N** | **Ý** |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | **Á** | **C** | **N** | **H** | **Ă** | **N** | **G** |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T** | **Ự** | **L** | **Ự** | **C** | **C** | **Á** | **N** | **H** | **S** | **I** | **N** | **H** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Câu 1: Chủ đề bài tập làm văn mà cô giáo giao là gì?  Câu 2: Khi tức giận với ông hàng xóm, người cha đã có hành động gì?  Câu 3: Ông hàng xóm Blê-đúc đã dùng từ nào để nói về nhân vật cậu bé khiến cha cậu nổi nóng?  Câu 4: Tính cách nhân vật ông hàng xóm được tác giả khắc họa bằng cụm từ nào?  Câu 5: Nhân vật người bố được các thầy so sánh với ai?  Câu 6: Tên nhân vật chính của truyện?  Câu 7: Đây là từ mà cô giáo đã nhận xét về bài làm của Ni-cô-lai?  Câu 8: Sắp xếp các ý, các phần trước sau cho hợp lý được gọi là gì?  Câu 9: Người bố yêu cầu Ni-cô-lai chọn ra một người bạn thân nhất và ghi ra những đức tính mà cậu thích ở người bạn đó mục đích để làm gì?  Câu 10: Tên người bạn thân nhất của Ni-cô-lai  Nhận xét về từ khóa  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **Từ khóa: Tự lực cánh sinh** |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Theo em, nếu gặp phải đề văn như của Ni-cô-la, theo em, việc đầu tiên phải làm gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | - Đầu tiên, cần chọn người bạn mà mình cảm thấy thân thiết, gần gũi, thấu hiểu nhất.  - Nhớ lại những đặc điểm riêng, đức tính của bạn, những kỉ niệm gắn bó thân thiết giữa hai người.  - Lập dàn ý cho bài viết  - Viết bài, đọc lại và chỉnh sửa |

**Tiết chủ đề: 11-12**

**Tiết PPCT: 111-112**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG**

**(VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Khái niệm kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống

- Các yêu cầu, bố cục, kĩ năng viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Biết viết VB đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu), tìm ý và lập dàn ý, viết bài, xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Bước đầu viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3,4

- Tranh ảnh liên quan

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0, video

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Cách 1: *Em có thường theo dõi sách báo không? Có vấn đề nào mà em quan tâm? Suy nghĩ của em về vấn đề đó như thế nào?*  *Cách 2: Tổ chức trò chơi Đuổi hình bắt chữ. Mỗi hình ảnh tương ứng với một hiện tượng đời sống, em hãy gọi tên hiện tượng đó*  Muộn giờ, trễ hẹn, giờ cao su: hãy nhớ người không giữ chữ TÍN công việc ắt  đổ vỡ đừng mơ thành công trong lập nghiệp - Bond    Phạt tới 7 triệu đồng nếu vứt rác bừa bãi - Hội Nông Dân tỉnh Ninh Bình  Chiếm đoạt tiền từ thiện bị xử lý như thế nào?  CNN đưa tin về các cây ATM gạo ở Việt Nam | VOV.VN  hiến máu nhân đạo 2020  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trao đổi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi hs 2-3 hs bất kì trả lời  - HS trình bày sản phẩm. Hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu cách viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.  *- Hàng ngày có rất nhiều hiện tượng xảy ra trong đời sống, tích cực có, tiêu cực có. Vậy làm thế nào để có thể làm một bài văn nghị luận về những hiện tượng này?Cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay* | - Hs chia sẻ suy nghĩ  - Hs tham gia trò chơi  + Hiện tượng trễ hẹn  + Hiện tượng bạo hành trẻ em  + Hiện tượng ô nhiễm môi trường  + Hiện tượng trục lợi tiền từ thiện  + Hiện tượng làm cây ATM để chia sẻ với người khó khăn  + Hiện tượng hiến máu nhân đạo  … |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày về một hiện tượng (vấn đề)**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài vănnghị luận trình bày về một hiện tượng (vấn đề)

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày về một hiện tượng (vấn đề)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Dựa vào văn bản đã học ***Xem người ta kìa!,*** hãy trả lời các câu hỏi sau:  *+ Hiện tượng gì được nêu để bàn luận trong văn bản?*  *+ Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng, vấn đề đã nêu?*  *+ Lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?*  - Từ đó, GV yêu cầu HS: Rút ra những yêu cầu đối với bài vănnghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề).  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs quan sát, suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung | ***I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)***  ***-*** Trong bài: Xem người ta kìa  + Hiện tượng bàn luận: cha mẹ thường so sánh con cái của mình với những tấm gương tốt hơn.  + Người viết có sự đồng tình ở một mức độ (sự so sánh vì để con cái noi theo và có ý kiến riêng của mình.  + Bài viết đã đưa ra những dẫn chứng và lí lẽ để khẳng định: Hoà đồng, gần gũi với mọi người nhưng cũng cần tôn trọng sự riêng biệt ở mỗi người.  - Yêu cầu  + Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  + Thể hiện được ý kiến của người viết.  + Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo*  *+ Làm PHT số 1 theo hình thức nhóm đôi*  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs quan sát, suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  - Bài viết nêu ra vấn đề quy định HS mặc đồng phục khi đến trường.  - Ý kiến của người viết: Mặc đồng phục khi đến trường là cần thiết  - Lí lẽ  + Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hoà.  + Đồng phục góp phần tạo nên bản sắc của từng trường.  + Đồng phục xoá cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo.  + Đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người  - Dẫn chứng:  + Buổi sáng, các bạn đến trường, sát cánh bên nhau, hài hòa đẹp mắt  + Khi tập trung toàn trường, nhìn trên xuống như mảng màu trong bức tranh khổng lồ  + HS các trường đều được nhận ra nhờ đồng phục: LTV, LQĐ  + Thể hiện màu cờ sắc áo, tạo ra các nhóm cổ động nổi bật  + Hoàn cảnh các bạn khác nhau, bố mẹ làm kinh doanh, công nhân, bố mất sớm…  + Bích Hiền trầm lặng, ít nói; Cẩm Vân như sáo sậu; Văn Hoạt khéo léo… |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh Thực hành viết theo các bước**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv hướng dẫn HS chọn đề tài: Yêu cầu HS đọc SHS để tham khảo các đề tài được giới thiệu*  *+ GV hướng dẫn HS tìm ý: Sau khi HS tìm được đề tài, GV hướng dẫn HS tìm ý cho bài văn nghị luận theo Phiếu học tập số 2*  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs quan sát, suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung  **NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài, sửa bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + Y*êu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp)*  *+ Hướng dẫn dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết; sau đó dùng bảng kiểm để nhận xét bài của bạn*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý   1. **Viết bài, chỉnh sửa bài viết**   - Dựa bào dàn ý viết thành một bài văn hoàn chỉnh  - Cần đảm bảo đặc điểm của kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề |

*.*

**PHT số 1**

**Ý KIẾN**

…………………………………………

**Lí lẽ 1**

**…**

**Lí lẽ 2**

**…**

**Lí lẽ 3**

**…**

**Bằng chứng**

…

**Bằng chứng**

…

**Bằng chứng**

….

**Vấn đề bàn luận:…………………………………………………………**

….

**Lí lẽ 4**

**…**

**Bằng chứng**

…

**Gợi ý PHT số 1**

**Ý KIẾN**

**Mặc đồng phục khi đến trường là cần thiết**

**Lí lẽ 1**

**Đồng phục toát lên cái đẹp chung của cả tập thể**

**Lí lẽ 2**

**Tạo nên bản sắc của mỗi trường**

**Lí lẽ 3**

**Đp xóa đi khoảng cách giàu nghèo**

…

**Bằng chứng**

- Buổi sáng, các bạn đến trường, sát cánh bên nhau, hài hòa đẹp mắt

- Khi tập trung toàn trường, nhìn trên xuống như mảng màu trong bức tranh khổng lồ

**Bằng chứng**

- Hoàn cảnh các bạn khác nhau, bố mẹ làm kinh doanh, công nhân, bố mất sớm…

**Bằng chứng**

- Bích Hiền trầm lặng, ít nói; Cẩm Vân như sáo sậu; Văn Hoạt khéo léo…

**Vấn đề bàn luận: Quy định về mặc đồng phục khi đến trường**

….

**Lí lẽ 4**

**Đồng phục không làm mất đi cái riêng**

**Bằng chứng**

- HS các trường đều được nhận ra nhờ đồng phục: LTV, LQĐ

- Thể hiện màu cờ sắc áo, tạo ra các nhóm cổ động nổi bật

**PHT số 2**

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên: Lớp:

**Nhiệm vụ:** Tìm ý cho bài văn *Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề).*

**Gợi ý:** Đọc kĩ đề tài, tìm các khía cạnh của hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận, ghi vào các ô ở cột bên phải theo hướng dẫn như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Hiện tượng (vấn đề) gì được nêu để bàn luận? | ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| Ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề) như thế nào? | ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| Cần đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)? | ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| Cần nêu những bằng chứng nào để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)? | ……………………………………………………  …………………………………………………… |

**Bảng kiểm bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| Mở bài | Có dẫn dắt vào vấn đề cần bàn luận. |  |
| Nêu được cụ thể hiện tượng sẽ bàn luận. |  |
| Thân bài | Thể hiện rõ ràng ý kiến về hiện tượng. |  |
| Trình bày được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để làm rõ ỷ kiến. |  |
| Đưa ra được bằng chứng thuyết phục để củng cố cho lí lẽ. |  |
| Đã sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí. |  |
| Kết bài | Khẳng định lại ý kiến của mình. |  |
| Đề xuất được những giải pháp. |  |

**Tiết chủ đề: 13**

**Tiết PPCT: 113**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Quy trình thực hiện bài trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống

- Kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng đời sống

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- HS biết sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.

- Biết tóm tắt nội dung bài nói, tham gia trao đổi về nội dung của bài nói và kĩ năng của người trình bày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Gv chuyển giao nhiệm vụ:*  *+ Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận là gì? Các yếu tố ấy có mối liên hệ với nhau như thế nào?*  *+ Theo em, trong tình huống nào thì chúng ta cần thực hiện bài nói Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài  Bày tỏ ý kiến là một nhu cầu tất yếu của cuộc sống. Vậy làm thế nào để việc trình bày ý kiến một cách phù hợp, được mọi người ghi nhận? Tiết học hôm nay sẽ giúp các em rèn luyện kĩ năng này. | - Hs chia sẻ ý kiến: Trong cuộc sống, có những tình huống thực tế trong đời sống cần đến kĩ năng trình bày ý kiến: ứng cử chức lớp trưởng, đóng góp ý kiến cho việc may đồng phục của lớp, những đóng góp cho các hoạt động lễ kỉ niệm ngày 20/11… |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói theo PHT số 1*  **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố | Dự kiến của tôi | Cách thức trình bày phù hợp | | Mục đích bài nói |  |  | | Người nghe |  |  | | Thời gian |  |  | | Không gian |  |  |   + Tìm ý, lập dàn ý theo PHT số 2    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý | **1. Chuẩn bị bài nói**  - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.  - Tìm ý và lập dàn ý |

**Hoạt động 2: Luyện tập và trình bày**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi luyện tập và trình bày*  *+ Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.*  *+ GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.*  - Hs tiếp nhận  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS luyện nói  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến  thức | **2. Luyện tập và trình bày bài nói**  **a. Luyện tập**  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói  - Sử dụng những từ ngữ nối: mặt khác, hơn nữa, bên cạnh đó…  - Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết thúc hấp dẫn như chiếu hình ảnh hoặc video, đưa ra một sự vật để khơi dậy trí tò mò…  **b. Trình bày**  - Cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước  - Trình bày từ khái quát đến cụ thể  - Kết nối các tư liệu trực quan  - Chú ý cách tương tác với khán giả |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm tiếp tục làm việc: thư kí đọc tóm tắt những ý kiến đã được trình bày trong buổi thảo luận, nhóm quyết định giải pháp tối ưu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Trao đổi về bài nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Video của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…) hoặc thiết kế infographic  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện ở nhà | - Hs quay video bài nói, thiết kế infographic gửi cho giáo viên |

**Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn để trong cuộc sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| Bài trình bày cỏ đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |
| Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe. |  |
| Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |
| Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |
| Người trình bày ghi nhận và phàn hồi thỏa đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả. |  |

**PHT số 2**

**Ý KIẾN**

….

**Lí lẽ 1**

…

**Lí lẽ 2**

…

**Lí lẽ 3**

…

**Bằng chứng**

…

**Bằng chứng**

…

**Bằng chứng**

….

Sơ đồ

**Ý KIẾN CỦA TÔI**

Lí lẽ 1

Lí lẽ 2

Lí lẽ 3

Bằng chứng 1.1, 1.2,…

Bằng chứng 2.1, 2.2,…

Bằng chứng 3.1, 3.2,…

**Tiết chủ đề: 14**

**Tiết PPCT: 114**

**CỦNG CỐ VÀ MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được các đặc điểm của văn nghị luận.

- Hiểu được các đặc điểm, cách viết/ trình bày bài văn trình bày về một hiện tượng đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của văn nghị luận.

- Năng lực viết/ nói bài văn trình bày về một hiện tượng đời sống.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Khởi động**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  | **K** | **H** | **Á** | **C** | **N** | **H** | **A** | **U** |
|  |  | **H** | **Ọ** | **C** | **S** | **I** | **N** | **H** |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | **G** | **I** | **Á** | **O** | **V** | **I** | **Ê** | **N** |  |  |
|  |  |  |  |  |  | **B** | **Ộ** | **C** | **L** | **Ộ** |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | **B** | **À** | **I** | **T** | **Ậ** | **P** |  |  |
|  |  |  |  |  | **B** | **U** | **Ổ** | **I** | **S** | **Á** | **N** | **G** |  |  |  |
|  |  | **T** | **H** | **Ự** | **C** | **H** | **I** | **Ệ** | **N** |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | **M** | **Ộ** | **T** | **N** | **G** | **À** | **Y** |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  Gv tổ chức trò chơi Ô chữ bí mật  Câu 1. Từ trái nghĩa với tương đồng là (8 ký tự)  Câu 2. Từ dùng để chỉ người học ở bậc phổ thông. (7 ký tự)  Câu 3. Từ dùng để gọi chung cho thầy cô giáo. (8 ký tự)  Câu 4. Văn biểu cảm dùng để ……. tình cảm, cảm xúc con người về một đối tượng. (5 ký tự)  Câu 5. Giáo viên giao cho học sinh vào mỗi tiết học để học sinh vận dung những gì đã học vào việc thực hành, khắc sâu kiến thức. (6 ký tự)  Câu 6. Khoảng thời gian diễn ra từ lúc mặt trời mọc đến lúc trưa được gọi là gì? (8 ký tự)  Câu 7. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống sao cho có nghĩa là làm cho trở thành sự thật bằng những việc làm hoặc hành động cụ thể: “……. lời hứa”(6 ký tự)  Câu 8. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: “……. kéo dài 24 tiếng” (7 ký tự)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**B. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập, củng cố và mở rộng chủ đề

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Qua việc học các văn bản trong bài, trả lời các câu hỏi sau:**

a. Cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết. Bởi vì chính cái riêng, sự độc đáo trong mỗi một con người sẽ làm cho một tập thể, cộng đồng trở nên phong phú, đóng góp được cho tập thể cái là của chính mình

b. Trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ vì chính những sự thấu hiểu, chia sẻ đó làm cho người trở nên gần gũi với nhau hơn, sát lại gần nhau hơn, và càng làm cho mỗi con người tự hoàn thiện mình hơn.

**2. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin thể hiện sự khác nhau giữa hai đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Những vấn đề cần xác định | Đoạn (a) | Đoạn (b) |
| Nội dung của đoạn văn | Bố Ni-co-la cho rằng không cần sự giúp đỡ gì từ người hàng xóm, nên đã ngắt lời câu trả lời của cậu bé | Các cách ứng xử khác nhau khi bị người khác cười nhạo |
| Mục đích của đoạn văn (kể chuyện, bộc lộ cảm xúc, miêu tả, thuyết phục, thuyết minh) | Bộc lộ thái độ, cảm xúc không thích ông hàng xóm xen vào câu chuyện của hai bố con | Thuyết phục vấn đề các cách ứng xử khác nhau khi bị người khác cười nhạo |
| Kiểu văn bản có chứa đoạn văn (tự sự, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh) | Văn bản tự sự | Văn bản nghị luận |

**3. Văn bản nghị luận thường bàn về** những vấn đề thách thức mới, nhất là các vấn đề chính trị xã hội, những vấn đề đặt ra của cuộc sống một cách đúng đắn, vừa phù hợp với tinh thần thời đại mới, vừa đảm bảo tinh thần quốc gia, dân tộc.

Hai hiện tượng (vấn đề) đời sống được bàn trong hai văn bản nghị luận mà em biết:

Xem người ta kìa!: Cái riêng biệt của mỗi người cần được hòa nhập với cái chung của mọi người.

Tiếng cười không muốn nghe: Nhạo báng, chê bai người khác là một thói hư, tật xấu cần được sửa chữa trong xã hội.

**4. Trong các đề tài sau, theo em, những đề tài nào phù hợp với yêu cầu viết bài văn nghị luận là:**

c. Bàn về ý nghĩa của việc trồng cây.

e. Vai trò của tình bạn.

Các đề tài này đều là những vẫn đề của xã hội, được xã hội quan tâm. Qua bài viết, phản ánh được thái độ, cách nhìn của người viết về vấn đề được đặt ra

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Gv tổ chức trò chơi**

Câu 1. Nhân vật J gợi cho em nhớ đến văn bản nào?

A. Xem người ta kìa.

**B. Hai loại khác biệt.**

C. Vua chích chòe.

D. Tất cả đều sai.

Câu 2. Tác giả của văn bản “Hai loại khác biệt” là

**A. Giong-mi Mun.**

B. Lạc Thanh.

C. Rơ-nê Gô-xi-nhi.

D. Giăng-giắc Xăng-pê.

Câu 3. Phương thức biểu đạt của văn bản “Xem người ta kìa!” là

A. Tự sự.

B. Biểu cảm.

C. Miêu tả.

**D. Nghị luận.**

Câu 4. Ngôi kể trong văn bản “Xem người ta kìa!” là

A. Ngôi thứ ba.

B. Ngôi thứ hai.

C. Ngôi thứ nhất.

C. Ngôi thứ nhất.

Câu 5. Tên cậu bé trong văn bản “Bài tập làm văn” là

A. Ban-dắc.

B. Ni-cô-la.

C. Rơ-nê Gô-xi-nhi.

D. Blê-đúc.

Câu 6. Để dưa ra ý kiến bàn luận ở phần thân bài thì người viết sử dụng

A. Giới thiệu vấn đề.

B. Khẳng định vấn đề.

C. Đưa ra nhiều bằng chứng.

D. Lí lẽ, bằng chứng.

Câu 7. Xác định trạng ngữ trong câu văn sau: “Đằng đông, mặt trời đang dần dần nhô lên.”

A. Mặt trời.

B. Nhô lên.

C. Đằng đông.

D. Không có trạng ngữ.

Câu 8. Vị trí của trạng ngữ trong câu là

A. Đầu câu, cuối câu.

B. Đầu câu, giữa câu, cuối câu.

C. Giữa câu.

D. Tất cả đều sai.

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**TIẾNG CƯỜI KHÔNG MUỐN NGHE**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được các đặc điểm của văn nghị luận.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của văn nghị luận.

- Năng lực viết/ nói bài văn trình bày về một hiện tượng đời sống.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *1. Em đã từng bị cười nhạo hay chứng kiến cảnh bạn mình bị cười nhạo chưa? Em có nhận thấy hành động cười nhạo người khác là vô ý không?*  *2. Cần ứng xử như thế nào khi bị người ta cười nhạo?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv lắng nghe, gợi mở  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới | - HS chia sẻ suy nghĩ  1. Em đã từng bị các bạn trong lớp cười nhạo vì bị một bạn trong lớp dán giấy vào sau lưng với hình vẽ chê bai nhưng em không biết. Em thấy hành động đó là vô lý. Em đã báo cáo cô giáo để cô giáo xử phạt và răn đe các bạn.  2. Mỗi người có một cách ứng xử khác nhau khi bị người ta cười nhạo. Có người sẽ chọn cách im lặng, nghiêm túc xem xét lại bản thân và tìm cách sửa sai. Có người lại lo lắng, hốt hoảng, ngày càng tự tin hơn. Cũng có người vì cái tôi của bản thân quá lớn mà không nhẫn nhịn được, có những hành động và câu nói gay gắt đáp trả trực tiếp lại. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Những đặc điểm nào cho thấy Tiếng cười không muốn nghe là một văn bản nghị luận?**

Những đặc điểm cho thấy Tiếng cười không muốn nghe là một văn bản nghị luận:

Văn bản này bàn về vấn đề trước những sai lầm, thiếu xót của người khác cần có thái độ góp ý chân thành, chứ không phải cất lên tiếng cười hả hê, chê bai, chế nhạo người khác. Phương thuốc chữa "căn bệnh" này chính là lòng nhân ái, sự cảm thông.

Để có sức thuyết phục, văn bản đã đưa ra các lý lẽ: nêu các tiếng cười đẹp, tiếng cười xấu, các cách ứng xử khác nhau khi bị chê bai, đưa ra ví dụ cụ thể của việc bị người khác chê bai và đi đến kết luận "căn bệnh" này có thể chữa được.

Để chứng minh các lý lẽ đó, tác giả đã đưa ra các bằng chứng, ví dụ cụ thể cho vấn đề cười nhạo người khác là xấu xa như thế nào.

**2. Đoạn mở đầu nói đến nhiều ý nghĩa khác nhau của tiếng cười? Ý nghĩa nào được bàn luận trong văn bản này?**

Bài làm:

- Đoạn mở đầu nói đến nhiều ý nghĩa khác nhau của tiếng cười:

+ Có tiếng cười trao gửi một niềm tin yêu

+ Có tiếng cười thay cho một lời  cảm ơn, một tình cảm chân thành muốn nói

+ Có tiếng cười hài hước, dí dỏm khiến người ta quên cả mệt nhọc

+ Có tiếng cười phê phán những thói hư tật xấu.

- Nhưng tiếng cười được bàn luận trong bài viết này là tiếng cười "ta không bao giờ muốn nghe, không bao giờ chờ đợi. Những tiếng cười khiến ta phải phiền lòng, khó chịu và ước sao nó không hướng vào mình. Đó là sự cười nhạo, chê bai người khác.

**3. Người viết có thái độ, suy nghĩ thế nào trước những hiện tượng cười cợt khiếm khuyết của người khác? Thái độ suy nghĩ đó dựa trên những lý lẽ nào?**

- Tác giả cho rằng lý do cười nhạo người khác đơn giản vì người khác có điều không giống ta

- Tác giả nhận xét trên đời này không có ai là hoàn hảo. Điều quan trọng là biết tự nhận ra điểm yếu của mình để khắc phục. Những người đi chê bai không nghĩ rằng khi họ cũng vướng phải những sai lầm đó thì họ có đáng bị chê cười hay không.

Sự khác biệt của mỗi người chính là yếu tố quyết định giá trị của mỗi con người. Nên không có lý do gì để đáng bị người khác cười nhạo. Nếu ai đó cũng bị cười nhạo, tác giả đặt câu hỏi liệu họ có cảm thấy dễ chịu không.

4. Nhận xét các bằng chứng tác giả sử dụng để chứng minh cho lý lẽ đã nêu?

Bài làm:

Tác giả đưa ra bằng chứng, ví dụ cụ thể là hình ảnh của chú Nam - một người dị tật có bước đi khập khiễng và khó khăn. Mọi người chế nhạo chú, bắt trước dáng đi nghiêng nghiêng của chú để làm hề. Chú dự thi vào trường trung cấp âm nhạc thì mọi người lại cười nhạo nói "Chuông khánh còn chẳng ăn ai/Nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre`. Tuy nhiên, nhờ vào sự kiên trì, thái độ khiêm nhường, kiên nhẫn của bản thân và sự khích kệ, động viên của người bố, chú Nam đã là cây độc tấu có hạng trong một đoàn nghệ thuật.

Sự chê bai, nhạo báng chú Nam đã phải trả giá bằng việc giờ đây mọi người đã phải thán phục chú.

**5. Lòng nhân ái, sự cảm thông là "phương thuốc" hữu hiệu để trị "căn bệnh" cười nhạo người khác. Em có đồng ý với kiến đó không? Vì sao?**

Em đồng ý với ý kiến lòng nhân ái, sự cảm thông là "phương thuốc" hữu hiệu để trị "căn bệnh" cười nhạo người khác. Bởi vì, trong mỗi chúng ta đều tồn tại sự cảm thông chia sẻ, tấm lòng nhân ái. Nếu như nó được nhân rộng, phát triển bằng cách mỗi người hãy đặt mình vào vị trí, hoàn cảnh của người khác để để suy nghĩ, thức tỉnh thì sẽ không bao giờ có chỗ cho sự cười chê, nhạo báng xuất hiện.

**6. Một số câu tục ngữ nói về cách ứng xử trong cuộc sống:**

- Chim khôn kêu tiếng rảnh rang/Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe

- Lời nói chẳng mất tiền mua?Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau

- Kim vàng ai nỡ uốn câu/Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời

**C . VẬN DỤNG**

Với câu mở đầu "Tôi không muốn bị người khác cười nhạo", em hãy viết tiếp khoảng 5-7 câu để hoàn thành đoạn văn.

Bài làm:

Tôi không muốn bị người khác cười nhạo. Và cách để tôi phản ứng lại điều đó là tìm thấy sự hài hước trong những điều chê bai đó. Đó chính là phương pháp tốt nhất để tôi giảm thiểu sự căng thẳng và áp lực những lo âu và suy nghĩ mông lung khi bị người khác cười nhạo. Tôi nghĩ rằng, không chỉ là vấn đề cười nhạo, mà trong tất cả mọi chuyện hãy tìm cách để mọi chuyện được nhìn nhận một cách đơn giản nhất. Đó mới chinh là lối sống lạc quan và tích cực.